TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2023
V/v: Không công nhận là vợ chồng, Tranh chấp về nuôi con, tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lương Văn Sanh

2. ông Bùi Minh Nguyệt

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Dà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên toà*: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phàng Thị P, sinh năm 1993; Địa C: Bản D, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lờ A S, sinh năm 1992; Địa C: Bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lờ A P, sinh năm 1950 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1949; cùnng địa C: Bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Thào A Dờ; Địa C: Tổ 05, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng chị Phàng Thị P trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, khi kết hôn C tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh S hay đánh chửi chị P khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn hòa giải nhưng anh S vẫn không thay đổi, chị P và anh S đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm nhau. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Lờ A S.

2. Về con chung: Có 02 con chung

+ Lờ A C, sinh ngày 11/11/2012;

+ Lờ Thị X, sinh ngày 08/4/2016;

Hiện các cháu vẫn đang sinh sống cùng với anh S tại bản Dào Cu Nha, xã C. Ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X; anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

3. Tài sản chung:

Chị P trình bày trong thời gian chung sống với anh S đã cùng anh S tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Pro xi măng; lịa ván được làm bằng loại gỗ Pơ mu, gỗ tạp; có tổng diện tích là 101,2 m^2 (Chiều dài 11,5m chiều rộng 8,8m); hiện đang dựng tạm trên đất của bố mẹ chồng tại bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc do hai vợ chồng cùng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân; trị giá 60.000.000đ.

- 01 Mảnh đất nông nghiệp (Hiện đang trồng táo mèo): có tổng diện tích 2.751,75 m^2; hiện trên đất đang có 80 cây táo, chiều cao trunh bình từ 1m đến 2m; có tứ cận phía Tây, Nam, Bắc giáp với đất trồng táo của ông Lờ A Nhà, phía Đông giáp với đường dân sinh bản Dào Cu Nha; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 4.000.000đ; Nguồn gốc là khi ở chung với gia đình thì có cùng gia đình trồng chung một số mảnh nương táo, nên khi anh S và chị P ra ở riêng thì gia đình chia cho, cho từ năm 2017 (Có sơ đồ kèm theo).

Ly hôn chị P đề nghị được sở hữu ½ bộ ngôi nhà và mảnh nương táo.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Lờ A S trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh S thừa nhận có mỗi quan hệ hôn nhân như chị P trình bày, nay chị P đề nghị giải quyết ly hôn, anh S xác định cũng không còn tình cảm với chị P nữa, nên nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị P.

2. Về con chung: anh S thừa nhận có 02 con chung như chị P trình bày, tuy nhiên ly hôn anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, không đề nghị chị P phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: anh S thừa nhận trong thời gian chung sống với chị P, anh S đã tạo dựng được khối tài sản như chị P trình bày, nhưng trong quá trình tạo dựng anh S là người có công tạo lập nhiều hơn; trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng năm 2019 chị P đã tự ý bỏ nhà ra đi, không chăm lo đến cuộc sống gia đình con cái. Do đó ly hôn anh S C nhất trí chia cho chị P mảnh nương trồng táo, còn toàn bộ ngôi nhà để lại cho anh S và các con.

Tại biên bản xác minh ngày 28/03/2023 tại UBND xã C thể hiện:

Chị P và anh S có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị P và anh S đã trình bày; về điều kiện kinh tế hiện cả chị P và anh S đều không có công việc ổn định, thu nhập chủ yếu từ việc làm ruộng, nương và làm thuê.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/03/2023 tại UBND xã C thể hiện: Trong thời gian chung sống chị P và anh S đã tạo lập được khối tài sản chung là 01 bộ ngôi nhà gỗ và 01 mảnh nương trồng táo như chị P đã trình bày ở trên.

Tại các biên bản lấy lời khai đối với cháu Lờ A C, Lờ Thị X ngày 28/03/2023 thể hiện: Nếu chị P và anh S ly hôn thì cháu C và cháu X đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2023 ông Lờ A P và bà Giàng Thị D trình bầy:

Đối với mảnh đất nền nhà hiện anh S và chị P đang dựng ngôi nhà gỗ 03 gian, có diện tích là 101,2 m^2 ở trên tại bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái thì là của ông P và bà D, nhưng năm 2017 anh S và chị P tách hộ ra ở riêng không có chỗ ở nên vợ chồng ông P đã cho vợ chồng anh S mượn để làm nhà ở tạm. Nếu chị P và anh S ly hôn, anh S được chia tài sản là ngôi nhà gỗ và vẫn có nguyện vọng tiếp tục mượn mảnh đất của vợ chồng ông P để dựng nhà ở tạm thì vợ chồng ông P vẫn để cho anh S tiếp tục sử dụng cho đến khi anh S không có nhu cầu, nhưng với điều kiện là không được bán.

Đối với mảnh đất nông nghiệp, có tổng diện tích 2.751,75 m^2 tại bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải; hiện trên đất đang có 80 cây táo thì là đất của vợ chồng ông P, nhưng khi anh S và chị P đang ở cùng thì đã cùng gia đình ông P trồng và chăm sốc một số mảnh nương táo, nên khi anh S và chị P ra ở riêng vợ chồng ông P đã chia mảnh nương táo đó cho vợ chồng anh S sử dụng và chăm sóc. Nếu anh S và chị P ly hôn thì vợ chồng ông P không có ý kiến gì về mảnh đất đó, việc anh S hay chị P ai là người sở hữu, sử dụng thì do anh S và chị P thảo thuận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên

đơn và bị đơn. Tuy nhiên không thu tiền xem xét thẩm định tại chỗ là vi phạm Điều 155, 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Phàng Thị P và anh Lờ A S là vợ chồng; xử để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P, chia cho chị P được sở hữu, sử dụng toàn bộ mảnh nương táo và nhận 1/3 giá trị chênh lệch của ngôi nhà gỗ với giá trị là 20 triệu, anh S được sở hữa toàn bộ ngôi nhà gỗ 03 gian và có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch 20 triệu đồng cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn cư trú tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong thời gian chung sống với nhau chị P và anh S có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị P và anh S là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Phàng Thị P và anh Lờ A S là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Hiện nay chị P và anh S đều không có công việc ổn định thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nương và làm thuê; Cháu Lờ A C và cháu Lờ Thị X đều có nguyện vọng ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị P và anh S không thống nhất được người trực tiếp nuôi con, nhưng đều có nguyện vọng được nuôi con, chị P và anh S đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng như nhau. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không ai phải cấp dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu.

[4] Về tài sản chung:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, lời khai của chị P, anh S, ông P và bà D thì tài sản chung của chị P và anh S gồm: 01 ngôi nhà gỗ trị giá 60.000.000đ và 01 mảnh nương trồng táo trị 4.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án không ai đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về công sức đóng góp trong quá trình tạo lập và duy trì khối tài sản chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy kể từ năm 2019 chị P đã không còn chung sống với anh S tại nơi cư trú, không cùng anh S tôn tạo, sửa chữa nhà cửa, chăm sóc mảnh nương táo; cũng như ít quan tâm chăm sóc, nuôi dậy con cái và chăm lo cuộc sống gia đình. Do đó cần chia cho anh S được hưởng phần tài sản có giá trị lớn hơn, cụ thể là được hưởng 2/3 giá trị ngôi nhà 03 gian tương đương với 40.000.000đ, còn chị P được hưởng 1/3 giá trị chênh lệch của ngôi nhà 03 gian tương đương 20.000.000đ và toàn bộ mảnh nương táo tương đương 4.000.000đ.

Tuy nhiên hiện tại ngôi nhà gỗ 03 gian đã dựng thành một khối thống nhất và được dựng trên mảnh đất của bố mẹ đẻ anh S, là nơi ở duy nhất của anh S và các con, nếu chia ngôi nhà bằng hiện vật thì sẽ mất đi công dụng, gây tốn kém, làm xáo trộm cuộc sống gia đình và không khả quan. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cho anh S được sử hữu, sử dụng toàn bộ ngôi nhà gỗ 03 gian và có trách nhiệm trả phần giá trị chênh lệch bằng tiền cho chị P với số tiền 20.000.000đ; chị P được sử dụng, sở hữu, khai thác toàn bộ mảnh nương táo và nhận số tiền chênh lệch về tài sản là 20.000.000đ từ anh S.

[5] Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với mảnh nương táo ông P và bà D đã thừa nhận cho hẳn cho vợ chồng anh S để sở hữu, sử dụng và không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử xác định mảnh nương táo là tài sản chung của vợ chồng anh S để chia là phù hợp.

Đối với mảnh đất nền nhà hiện anh S và chị P đang dựng nhà tạm là tài sản chung của ông vợ chồng ông P, nhưng vẫn nhất trí để anh S tiếp tục sử dụng, nếu anh S được sở hữu ngôi nhà, ngoài ra không có ý kiến gì . Như vậy ý kiến của ông P và bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp, không trái phát luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận, khi nào ông P và bà D có yêu cầu lấy lại mà anh S không đồng ý thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác; ngoài ra anh S cần có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng hợp lý mảnh đất đó đúng mục đích và không được bán khi chưa được sự đồng ý của vợ chồng ông P.

[6] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung Hội đồng đồng xét xử thấy trùng với quan điểm của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

- Đối với ý kiến về việc không thu tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Tòa án xét thấy các đương sự đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khó khăn, không có điều kiện để nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên việc xem xét thẩm định là cần thiết cho việc giải quyết cho vụ án, nên Tòa án đã chủ động kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành xem xét thẩm định miễn phí cho đương sự để đảm bảo giải quyết dứt điểm vụ án một cách khách quan, toàn diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người dân.

[7] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điển đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 219; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; 15, 16; khoản 2 Điều 53; các Điều 59, 62, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận chị Phàng Thị P và anh Lờ A S là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cho chị Phàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lờ Thị X, sinh ngày 08/4/2016; anh Lờ A S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lờ A C, sinh ngày 11/11/2012. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Anh Lờ A S được sở hữu tài sản gồm:

01 bộ ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Prô xi măng; cột nhà và ván lịa được làm bằng loại gỗ Pơ mu và gỗ tạp; có tổng diện tích là 101,2 m^2 (Chiều dài 11,5m chiều rộng 8,8m); hiện đang dựng tạm trên đất của bố mẹ tại bản Dào Cu Nha, xã C, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; trị giá 60.000.000đ và có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phàng Thị P phần giá trị chênh lệch về tài sản là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).*

- Chị Phàng Thị P được sở hữu, sử dụng, khai thác tài sản gồm:

01 Mảnh đất nông nghiệp (Hiện đang trồng táo mèo) có tổng diện tích 2.751,75 m^2; cùng toàn bộ 80 cây táo được trồng trên đất, có chiều cao trunh bình từ 1m đến 2m; có tứ cận phía Tây, Nam, Bắc giáp với đất trồng táo của ông Lờ A Nhà, phía Đông giáp với đường dân sinh bản Dào Cu Nha; chưa có giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất; trị giá 4.000.000đ *(Có sơ đồ kèm theo)* và nhận phần giá trị chênh lệch về tài sản của ngôi nhà là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* từ anh Lờ A S.

Trường hợp khi bản án có hiệu lực anh S không tự nguyện thanh toán số tiền 20.000.000đ cho chị P thì chị P có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Chị Phàng Thị P và anh Lờ A S được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý A Hờ